

Số: 63/2018/QĐST-HNGĐ

Quỳnh Phụ, ngày 15 tháng 5 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 96/2018/TLST/HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn S, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

Bị đơn: Chị Đào Thị C, sinh năm 1983; ĐKTT: Thôn P xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nơi ở: Thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Khổng Thị S (D), sinh năm 1941; địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2018

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Hoàng Văn S và chị Đào Thị C

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nuôi con chung: Anh Hoàng Văn S trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Hoàng Đình Th sinh ngày 02/12/2004, Hoàng Thị Thanh Ch sinh ngày 22/9/2007; chị Đào Thị C trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hoàng Đức A sinh ngày 22/12/2014 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh S và chị

C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

- Về chia tài sản: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau

Anh Hoàng Văn S được quyền sở hữu tài sản chung của vợ chồng là 01 nhà 01 tầng mái bằng 95 m² (anh chị không yêu cầu định giá) xây dựng trên diện tích đất 393,5m² của mẹ đẻ anh S là bà Khổng Thị S (D) ở thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; anh Hoàng Văn S có trách nhiệm chia trả chênh lệch về tài sản cho chị Đào Thị C số tiền là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về án phí: Anh Hoàng Văn S nhận chịu cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh S đã nộp theo biên lai thu số 0003618 ngày 04/5/2018 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình được chuyển 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) thành tiền án phí và trả lại anh S 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THA DS huyện Quỳnh Phụ;
- UBND xã Q, huyện Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thế Hùng